

Bản tin thị trường

17.10.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường

Cổ phiếu quan tâm

Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

PLX, TDM

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng

Lịch chia cổ tức



Thị trường vẫn trong trạng thái tích cực dù giảm điểm

Thị trường có cú rơi phiên đầu tuần khá nặng, đặc biệt là dấu hiệu điều chỉnh đã xuất hiện từ phiên thứ sáu khi lượng hàng lớn bán ra chốt lời liên tục. Sau chuỗi 3 phiên thì Vnindex đã hồi phục gần 70 điểm vì vậy trạng thái bán mạnh đầu phiên hôm nay được xem là bình thường. Tuy chỉ số Index giảm sâu nhưng một nhóm ngành trụ ngân hàng lại duy trì động lực rất tốt và gần như giữ giá ngay cả khi thị trường rơi gần 30 điểm. Nhờ nhóm bank kéo mạnh mà phiên chiều Vnindex chỉ còn mất 10 điểm. Hàng loạt cổ bank như SHB, STB, LPB, OCB đều đảo chiều tăng cuối phiên trong khi CTG, BID giảm không đáng kể.

Nhóm phân bón hôm nay tăng khá ở DPM, DCM. Cổ phiếu chứng khoán cũng tăng mạnh ở nhóm lớn HCM, VCI, FTS, VIX. Cổ phiếu dầu khí nổi bật nhất là PVD cùng với PVS, GAS, PVB cuối phiên đều tăng mạnh. Ngược lại nhóm VIC, VHM lại giảm hơn -4% góp phần kéo chỉ số đi xuống. Một số bank TCB, VCB, giảm hơn -2% cùng với DXG, DIG, MBB, MWG cũng mất điểm nhẹ.

Thị trường có thể dao động theo sóng đi ngang vài phiên từ 1030 - 1080 và tùy thuộc tin tức quốc tế và trong nước có thể tác động tâm lý thị trường. Giai đoạn hiện tại nhà đầu tư có thể tăng cường tích lũy cổ phiếu khi thị trường rơi mạnh có thể đạt lợi nhuận ngay trong phiên như hôm nay.

Tin Doanh Nghiệp

Petrolimex ước lỗ 780 tỷ đồng 9 tháng đầu năm



9 tháng đầu năm nay, tổng sản lượng tạo nguồn của toàn Petrolimex gần 8,1 triệu m3, đạt gần 104% tổng nguồn tối thiểu được giao năm nay là 7,7 triệu m3. Trong đó, nhập khẩu chiếm 42% và 58% còn lại mua từ 2 nhà máy lọc dầu trong nước. Sản lượng xuất bán hợp nhất 9 tháng đầu năm là 10,1 triệu m3/tấn tăng 8% so với cùng kỳ và đạt 83% kế hoạch.

Chủ tịch HĐQT Petrolimex cho biết, trong những ngày đầu tháng 10, tình trạng khan hiếm cục bộ tại một số tỉnh phía Nam đã dồn áp lực sang hệ thống phân phối của Petrolimex. Diễn hình như sản lượng bán lẻ của TP HCM ngày 10/10 tăng 72% so với ngày 9/10, Bình Dương tăng 77%, Cần Thơ tăng 58%, Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 60%.

Trước diễn biến trên, sản lượng nội địa của Petrolimex tăng 20% so cùng kỳ, riêng bán lẻ tăng 26% so cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận xăng dầu 9 tháng của tập đoàn ước lỗ 780 tỷ đồng.

6 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế của Petrolimex là gần 309 tỷ đồng, giảm 87% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chủ tịch HĐQT Petrolimex đề xuất cần tăng cường công tác kiểm tra đột xuất trong những thời điểm khó khăn về nguồn và hoặc khi giá biến động với biên độ cao để đảm bảo các thương nhân kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm chấp hành đúng các quy định của pháp luật; kịp thời điều chỉnh định mức kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia phù hợp với chi phí thực tế của doanh nghiệp.

Trường hợp Chính phủ quyết định nâng mức Dự trữ quốc gia, Petrolimex đề xuất hoàn thành quy hoạch hệ thống kho bể chứa hàng dự trữ quốc gia trên toàn quốc đồng thời nghiên cứu đầu tư kho dự trữ xăng dầu hoặc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mỗi đầu tư thông qua các cơ chế khuyến khích, tháo gỡ khó khăn.

Nước Thủ Dầu Một (TDM): Lãi quý III tăng 110%

CTCP Nước Thủ Dầu Một (Mã: TDM) vừa công bố báo cáo tài chính quý III. Trong kỳ, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần là 123 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 54 tỷ đồng tăng lần lượt 26%, 110% so với cùng kỳ năm trước.

TDM cho biết, lợi nhuận quý III tăng là do sản lượng nước tiêu thụ và giá cung cấp nước sạch tăng so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ lần lượt là 17,5% và 8,5%. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 82% so với cùng kỳ năm 2021 do không phát sinh chi phí mua vật tư y tế ủng hộ phòng dịch COVID-19.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần của TDM đạt 353 tỷ đồng, tăng 16% song lợi nhuận sau thuế giảm 24% còn 146 tỷ đồng. Năm 2022, doanh nghiệp đặt kế hoạch 510 tỷ đồng doanh thu và 236 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, TDM đã đạt 69% mục tiêu doanh thu, 62% chỉ tiêu lợi nhuận.

Về tình hình tài chính, cuối quý II, tổng tài sản của doanh nghiệp đạt 2.381 tỷ đồng, giảm 24 tỷ đồng so với đầu năm. Tiền và khoản tương đương với tiền của doanh nghiệp tại ngày 30/9 là 75 tỷ đồng.

Khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trên báo cáo tài chính là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết với giá gốc là 1.149 tỷ đồng cuối quý III song giá trị hợp lý lên tới 3.537 tỷ.

Riêng khoản đầu tư vào CTCP Nước - Môi trường Bình Dương (Biwase - Mã: BWE) có giá gốc tới 1.061 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 37,42%. Tại ngày 30/9, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Biwase là 2.537 tỷ, gấp 3,3 lần giá gốc. Doanh nghiệp cho biết giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Biwase là giá đóng cửa của cổ phiếu BWE tại ngày 30/9.



Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex có giạt điều chỉnh theo yếu tố kỹ thuật và một phần xu hướng chốt lãi ngắn hạn sau chuỗi phục hồi gần 70 điểm trong 3 phiên liên tiếp. Thị trường có thể dao động quanh biên độ 1030 – 1080 trong các phiên tới. Nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp giảm mạnh như hôm nay để tích lũy thêm cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu tiếp tục nắm giữ: Ngân hàng, chứng khoán, bán lẻ, thép như STB, SHB, CTG, BID, HPG, NKG, VCI, FTS, VND, DGW, FRT.

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng Cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
STB	18.2	2.8	15	20	Mua quanh 17	10/13/2022	6.1%
VCI	28.5	3.1	22	32	Mua quanh 25-26	10/13/2022	8.6%
CTG	22.6	(0.7)	20	28	Mua quanh 21-22	10/13/2022	4.9%
MBB	17.5	(1.7)	17	23	Mua quanh 16-17	10/13/2022	1.7%
FRT	79.8	2.3	60	85	Mua quanh 69-71	10/13/2022	12.4%
TLG	57.9	5.3	50	65	Mua quanh 52-54	10/13/2022	7.6%
NKG	17.5	0.9	15	22	Mua quanh 16-17	10/13/2022	2.9%
SHB	11.5	4.5	9.5	14	Mua quanh 16-18	10/17/2022	4.5%

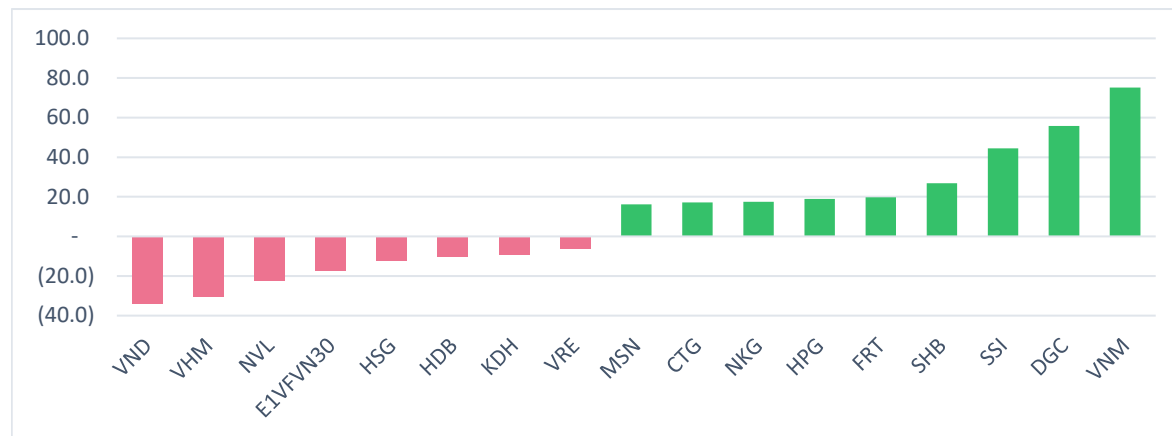


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SốDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	21.0	5,995,200	4.9	1.4	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	32.7	2,040,300	11.3	1.8	65,900	84,700	2,883	18,580
CTG	HOSE	22.6	5,961,800	7.3	1.1	888,610	127,370	3,099	21,387
EIB	HOSE	37.0	400,100	22.3	2.4	4,200	4,300	1,659	15,513
HDB	HOSE	16.5	1,779,000	4.6	0.9	123,800	743,440	3,591	17,576
LPB	HOSE	11.0	6,317,800	3.2	0.8	-	10,050	3,398	13,136
MBB	HOSE	17.5	9,550,900	4.1	0.9	505,700	508,650	4,221	18,767
MSB	HOSE	11.6	3,089,500	3.9	0.7	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	13.4	2,454,900	4.9	0.8	27,300	24,000	2,754	16,897
SHB	HOSE	11.5	14,782,600	3.8	0.8	2,579,400	241,400	3,062	14,879
SSB	HOSE	29.5	1,439,300	11.9	2.5	-	48,600	2,472	11,892
STB	HOSE	18.2	13,785,600	9.5	1.0	1,060,300	401,700	1,905	18,989
TCB	HOSE	25.1	4,810,300	4.4	0.8	1,922,900	1,922,900	5,766	29,757
TPB	HOSE	20.6	2,456,300	5.1	1.1	527,800	57,900	4,024	18,340
VCB	HOSE	66.3	904,300	11.1	2.6	306,400	90,700	5,956	25,988
VIB	HOSE	19.9	1,822,400	4.4	1.5	200	1,800	4,528	13,403
VPB	HOSE	16.0	12,627,600	3.7	0.7	200	-	4,346	22,163
BAB	HNX	14.6	7,700	14.6	1.2	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	16.5	45,500		2.1	-	4,200	(188)	7,686
VBB	UPCOM	9.1	18,400	7.8	0.7	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	8.3	136,700	4.9	0.7	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	12.4	36,500		1.0	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	21.0	12,000	19.7	1.4	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	11.8	267,000			6,900	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	22.9	5,500	22.2	1.7	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	10.1	619,400	14.1	0.8	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	8.9	2,119,300	3.3	0.7	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	8.63	1.23	8,019,610	4,271,710	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	MPC	UPCoM	20/10/2022	21/10/2022	23/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	MPC	UPCoM	20/10/2022	21/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
4	TA3	UPCoM	19/10/2022	20/10/2022	15/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 186 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CKG	HOSE	19/10/2022	20/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	NVL	HOSE	17/10/2022	18/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:0.2475	Thưởng cổ phiếu
7	DXS	HOSE	17/10/2022	18/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	VGX	UPCoM	17/10/2022	18/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 360 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	CMP	UPCoM	17/10/2022	18/10/2022	28/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 32 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VSA	HNX	14/10/2022	17/10/2022	21/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TCT	HOSE	14/10/2022	17/10/2022	10/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	C47	HOSE	14/10/2022	17/10/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:18.16, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
13	HTV	HOSE	14/10/2022	17/10/2022	10/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SHP	HOSE	13/10/2022	14/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NST	HNX	13/10/2022	14/10/2022	28/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CHS	UPCoM	13/10/2022	14/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ICT	HOSE	13/10/2022	14/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	GVR	HOSE	12/10/2022	13/10/2022	27/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 410 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	MGG	UPCoM	11/10/2022	12/10/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DTP	UPCoM	11/10/2022	12/10/2022	25/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	ABS	HOSE	11/10/2022	12/10/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TNG	HNX	11/10/2022	12/10/2022	20/10/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PPS	HNX	11/10/2022	12/10/2022	27/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	MSB	HOSE	10/10/2022	11/10/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Thưởng cổ phiếu
25	IN4	UPCoM	10/10/2022	11/10/2022	2/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	ASM	HOSE	7/10/2022	10/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	GMD	HOSE	7/10/2022	10/10/2022	25/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	NT2	HOSE	7/10/2022	10/10/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931